

THE PARTY'S POLICIES ON BUILDING ARMED FORCES AND REVOLUTIONARY BASES (1941 - 1945)

Thai Van Tho

Foreign Trade University, Ho Chi Minh City Campus

ARTICLE INFO		ABSTRACT
Received:	02/10/2025	From 1941 to 1945, under the leadership of the Party and Nguyen Ai Quoc, the activities of building armed forces and bases were carried out in parallel with the process of building and developing political forces and revolutionary organizations. To meet the practical struggle, the Indochinese Communist Party and Nguyen Ai Quoc, together with local leaders quickly stepped up the preparation, building and development of armed forces and revolutionary bases to move towards a general uprising to seize power when the opportunity arose. Using historical and logical methods and researching and analyzing relevant historical documents, the article clearly shows the policies and the process of preparing and organizing the building of armed forces and bases of the Party from 1941 to 1945. In addition, the study results also clearly show the leadership role and creativity of leader Nguyen Ai Quoc and local Party Committees in the process of building armed forces and revolutionary bases during these years. The article also highlights historical lessons from the revolutionary movement leading up to the General Uprising of August 1945 in Vietnam, which hold significant importance for the current building and development of the armed forces to firmly safeguard national independence and sovereignty.
Revised:	22/12/2025	
Published:	22/12/2025	
KEYWORDS		
Policy		
Building the armed forces		
Revolutionary base		
Revolutionary dynamism and creativity		
The role of Nguyen Ai Quoc		

CHỦ TRƯỞNG XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG VÀ CĂN CỨ ĐỊA CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG NHỮNG NĂM 1941 - 1945

Thái Văn Thơ

Trường Đại học Ngoại thương Cơ sở II tại Thành phố Hồ Chí Minh

THÔNG TIN BÀI BÁO		TÓM TẮT
Ngày nhận bài:	02/10/2025	Trong những năm 1941 - 1945, dưới sự lãnh đạo Đảng và lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, hoạt động xây dựng lực lượng vũ trang, các căn cứ địa cách mạng được tiến hành song song với quá trình xây dựng và phát triển lực lượng chính trị cùng các tổ chức cách mạng. Để đáp ứng yêu cầu thực tiễn đấu tranh, Đảng Cộng sản Đông Dương và lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc cùng những cán bộ lãnh đạo ở các địa phương đã sớm đẩy mạnh quá trình chuẩn bị, xây dựng, phát triển lực lượng vũ trang và các căn cứ địa cách mạng để tiến tới tổng khởi nghĩa giành chính quyền khi thời cơ tới. Sử dụng các phương pháp lịch sử, phương pháp logic và khảo cứu, phân tích các tài liệu lịch sử liên quan, bài viết phân tích những chủ trương cùng quá trình chuẩn bị, tổ chức xây dựng lực lượng vũ trang và các căn cứ địa của Đảng từ năm 1941 đến năm 1945. Ngoài ra, kết quả nghiên cứu còn chỉ rõ vai trò lãnh đạo, sự sáng tạo của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và các Đảng bộ ở địa phương trong quá trình xây dựng lực lượng vũ trang và căn cứ địa cách mạng những năm này. Bài viết cũng nêu bật những bài học lịch sử trong quá trình vận động cách mạng tiến tới tổng khởi nghĩa giành chính quyền ở Việt Nam tháng 8 năm 1945 có ý nghĩa quan trọng trong quá trình xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang để bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền quốc gia hiện nay.
Ngày hoàn thiện:	22/12/2025	
Ngày đăng:	22/12/2025	
TỪ KHÓA		
Chủ trương		
Xây dựng lực lượng vũ trang		
Căn cứ địa cách mạng		
Năng động và sáng tạo cách mạng		
Vai trò Nguyễn Ái Quốc		

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.13728>

Email: thaivantho.cs2@ftu.edu.vn

<http://jst.tnu.edu.vn>

212

Email: jst@tnu.edu.vn

1. Giới thiệu

Nghiên cứu có liên quan cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam đã được các học giả, nhà nghiên cứu đề cập trong một số công trình tiêu biểu. Phân tích về đặc điểm của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 ở Sài Gòn và Nam Bộ, Trần Văn Giàu [1] khẳng định đặc điểm chính của cuộc khởi nghĩa ở Sài Gòn, Nam Bộ là trong điều kiện trở lực hết sức lớn, Đảng bộ đã kịp thời tập hợp đủ lực lượng để khởi nghĩa thành công đồng nhịp với Hà Nội, Huế. Võ Văn Thập [2] cho rằng trong cuộc vận động tiến tới Cách mạng Tháng Tám 1945 ở Nam Kỳ, Xứ ủy Tiền Phong, Xứ ủy Giải Phóng có những sáng tạo khác nhau trong việc tập hợp lực lượng. Tuy không thống nhất quan điểm, nhưng khi thời cơ đến, cả hai Xứ ủy đã phối hợp có hiệu quả với nhau trong việc giành chính quyền về tay nhân dân. Hà Thành [3] khẳng định Đảng đã tích cực xây dựng lực lượng vũ trang từ nhỏ đến lớn, làm lực lượng xung kích trong khởi nghĩa ở địa phương và trong tổng khởi nghĩa, kịp thời chỉ đạo chuyển hướng đấu tranh, phát động cao trào kháng Nhật cứu nước, tạo cơ sở cho Tổng khởi nghĩa giành thắng lợi và đấu tranh vũ trang trực tiếp hỗ trợ phong trào quần chúng nổi dậy giành chính quyền thắng lợi. Theo Hoàng Chí Hiếu [4], Cách mạng Tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam là cuộc cách mạng giải phóng dân tộc đầu tiên thành công dưới sự lãnh đạo của Đảng theo chủ nghĩa Mác - Lênin. Trần Nam Tiến [5] nhận định với lực lượng đông đảo được tập hợp và rèn luyện đấu tranh trong tổ chức Việt Minh, đồng thời với một lãnh tụ dẫn đường xuất sắc là Hồ Chí Minh, nhân dân Việt Nam đã đứng lên tự giải phóng mình chứ không hề ngồi yên trông mong, chờ đợi một “khoảng trống quyền lực” nào cả. Phan Văn Cả [6] cho rằng sự ra đời của Chính phủ Bảo Đại - Trần Trọng Kim nằm trong kế hoạch của người Nhật. Nhật Bản sử dụng chính phủ này để cung cấp tài chính, nguồn lực chiến tranh cho họ và cũng là để chuẩn bị cho khả năng đổ bộ của quân Đồng Minh. Nền độc lập mà Nhật Bản trao cho Chính phủ Bảo Đại - Trần Trọng Kim chỉ mang tính chất danh nghĩa, người Nhật trên thực tế trở thành đại diện của thế lực áp bức mới tại Việt Nam cho đến khi chiến tranh kết thúc. Bùi Quang Huy [7] cho rằng Đảng tập hợp, đoàn kết rộng rãi toàn dân tộc, phát triển lực lượng chính trị trong Mặt trận Việt Minh, từ đó xây dựng, phát triển lực lượng vũ trang, căn cứ địa cách mạng. Nguyễn Thị Bích Thủy [8] kết luận Cách mạng Tháng Tám năm 1945 được Đảng và nhân dân ta chuẩn bị đầy đủ, kỹ lưỡng cả điều kiện vật chất và yếu tố tinh thần, cả nhân tố khách quan và nhân tố chủ quan của cách mạng. Vũ Văn Hiến [9] khẳng định nhận định đúng tình hình, xác định đúng kẻ thù trực tiếp, Đảng và Hồ Chí Minh khẩn trương chuẩn bị lực lượng và chuẩn bị tốt các điều kiện bên trong. Đồng quan điểm, Vũ Trọng Lâm [10] cho rằng Cách mạng Tháng Tám nếu không có sự chuẩn bị kỹ càng, cụ thể về lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang và chiến khu, căn cứ địa thì cho dù điều kiện khách quan có thuận lợi đến mấy cũng không thể tận dụng được để phát động toàn dân đứng lên giành chính quyền trên phạm vi cả nước trong một khoảng thời gian nhanh chóng như vậy. Các tác giả Nguyễn Mạnh Hà và Vũ Thị Oanh [11] khẳng định với việc đi đầu, giành thắng lợi trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Hà Nội đã ghi thêm một chiến công vẻ vang vào trang sử vàng truyền thống đấu tranh chống giặc ngoại xâm của dân tộc. Thắng lợi đó, đem lại nhiều bài học quý báu để Đảng ta rút kinh nghiệm, tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo cuộc Tổng khởi nghĩa trong phạm vi cả nước nhanh chóng thành công và là cơ sở khoa học giúp Đảng ta xây dựng thành lý luận về khởi nghĩa vũ trang ở đô thị.

Có thể thấy, những công trình nghiên cứu công bố thời gian qua ít nhiều có đề cập đến hoạt động xây dựng lực lượng cách mạng và căn cứ địa ở các địa phương trong thời gian tiền khởi nghĩa. Tuy nhiên, chưa có công trình nghiên cứu chuyên sâu về quá trình Đảng và lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc chủ trương xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang và căn cứ địa cách mạng trong những năm 1941 – 1945. Trên cơ sở kế thừa kết quả của các công trình nghiên cứu đã công bố, bài viết này bước đầu hệ thống hóa quá trình xây dựng, phát triển lực lượng vũ trang và các căn cứ địa cách mạng từ góc độ chính sách của Đảng, đồng thời góp phần phân tích, chỉ rõ quá trình Đảng và lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc cùng các nhà cách mạng lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng lực lượng vũ trang và căn cứ địa ở các địa phương từ năm 1941 đến năm 1945.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết này sử dụng các phương pháp nghiên cứu chính là phương pháp lịch sử và phương pháp logic. Hai phương pháp này được vận dụng để chỉ rõ những chủ trương, chính sách về xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang, các căn cứ địa cách mạng và sự năng động, chủ động, sáng tạo của Đảng và lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc cùng các Đảng bộ địa phương những năm 1941 - 1945. Đồng thời, tác giả công trình nghiên cứu còn khảo cứu, phân tích, tổng hợp các văn kiện Đảng, tài liệu thứ cấp liên quan để chỉ rõ những chủ trương, quá trình Đảng Cộng sản Đông Dương và lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc cùng Đảng bộ các địa phương lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng, phát triển lực lượng vũ trang và các căn cứ địa cách mạng kể từ năm 1941 trở đi, tạo tiền đề thuận lợi tiến tới tổng khởi nghĩa giành chính quyền tháng 8 năm 1945.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Tình hình cách mạng Việt Nam những năm 1939 - 1940

Bước vào năm 1939, chính quyền thực dân Pháp thực hiện các chính sách đàn áp, khủng bố các cơ sở, tổ chức cách mạng ở Việt Nam. Ngày 10/3/1939, Đảng mô tả tình hình trong nước là “Chính phủ (Pháp) khủng bố từ Nam chí Bắc” [12, tr.448] và đến cuối tháng 3/1939, Đảng nhận định: “Tình hình xứ ta rất nguy ngập. Nay phát xít nguy ngập tới nơi, chẳng những thiệt hại cho quốc dân đồng bào mà cả cho quyền lợi Pháp. Thế mà Chính phủ vẫn không chịu cải cách sự sống còn cho dân chúng, không cho ta quyền tự do ăn nói, quyền tự do tổ chức hội họp, quyền tự do đi lại, tự do học hành, không mở rộng quyền tuyền cử thành một chế độ nghị trường để chọn lựa đại biểu xứng đáng bênh vực quyền lợi cho các lớp nhân dân chống lại bọn tham quan ô lại, mong mở một nền dân chủ cho xứ sở theo tinh thần: “Tự do, bình đẳng, bác ái” của bình dân Pháp” [12, tr.450-451]. Kể từ khi chiến tranh thế giới thứ hai nổ ra, ở Việt Nam, thực dân Pháp thẳng tay đàn áp khủng bố các phong trào, tổ chức yêu nước, báo chí dân chủ tự do của nhân dân Việt Nam, nhất là Đảng Cộng sản Đông Dương. Nghị định ngày 28/9/1939 của Toàn quyền Đông Dương Catroux: “Cấm hết thảy mọi sự hoạt động có tính chất trực tiếp hay gián tiếp tuyên truyền các khẩu hiệu của Quốc tế Cộng sản hay những tổ chức do Quốc tế Cộng sản kiểm soát. Giải tán hết thảy các hội ái hữu, tổ chức hay cá nhân nào có liên hệ với Đảng Cộng sản; những tổ chức có hay không có liên hệ với Đảng Cộng sản mà hoạt động theo khẩu hiệu Đệ tam quốc tế cũng bị giải tán” [13, tr.351]. Ngày 05/10/1939, Báo Đại ra đạo dụ cấm các cuộc hội họp, cấm tuyên truyền cộng sản. Ngày 17/11/1939, Toàn quyền Đông Dương ra nghị định tịch thu tài sản của Đảng Cộng sản Đông Dương [14, tr.18-19]. Sự khủng bố, đàn áp và đánh phá ác liệt của chính quyền thực dân Pháp và tay sai không chỉ gây ra nhiều thiệt hại cho các hệ thống, tổ chức Đảng mà còn khiến cho sự liên lạc giữa Trung ương Đảng với Xứ ủy, giữa Tỉnh ủy với các quận huyện ủy bị cắt đứt, gián đoạn. Đến ngày 04/01/1940, ở Hội đồng Chính phủ Đông Dương, Catroux cũng tuyên bố: “Lần này chúng tôi không chờ cho mụn độc phát triển. Phải mỗ nó trước khi nó phát triển. Chúng tôi đã đánh toàn diện và mau lẹ vào các tổ chức cộng sản. Chống cộng sản là một cuộc đấu tranh hàng ngày. Chúng tôi không có quyền không thắng” [13, tr.350]. Ngày 21/01/1940, Tổng thống Pháp ban hành sắc lệnh thực hiện trên toàn cõi Đông Dương việc quản thúc hay trục xuất khỏi nơi cư trú hoặc giam giữ trong các trại tập trung (căng) những phần tử cho là nguy hiểm cho việc phòng vệ quốc gia hay cho an ninh công cộng [14, tr.18].

Trước tình hình thế giới và trong nước có những biến chuyển lớn, từ ngày 06 - 08/11/1939, tại Bà Điểm, Hóc Môn (Gia Định) diễn ra Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương do Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ chủ trì hội nghị. Hội nghị xác định: “Bước đường sinh tồn của các dân tộc Đông Dương không còn có con đường nào khác hơn là con đường đánh đổ đế quốc Pháp, chống tất cả ách ngoại xâm, vô luận da trắng hay da vàng để giành lấy giải phóng độc lập. Sự bóc lột tàn ác của đế quốc Pháp ở Đông Dương để cung cấp cho chiến tranh sẽ làm cho dân Đông Dương ngày càng cách mệnh hóa. Cuộc cách mệnh đánh đổ đế quốc Pháp của các dân tộc Đông Dương nhất định sẽ nổ bùng. Căn cứ vào những sự biến đổi trên quốc tế và trong xứ và sự biến chuyển mới

của phong trào cách mạng thế giới và Đông Dương, Đảng ta phải thay đổi chính sách. Ngày nay phải thành lập Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương để tranh đấu chống đế quốc chiến tranh, đánh đổ đế quốc Pháp và bọn phong kiến thối nát, giải phóng các dân tộc Đông Dương làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập” [12, tr.536]. Tháng 6/1940, Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương tuyên ngôn khẳng định và kêu gọi đồng bào: “Cơ hội tốt có một không hai đã tới. Cơ hội đánh đổ đế quốc thuộc địa đã tới” [15, tr.13-14]. Đến ngày 22/9/1940, quân đội Nhật tiến vào Lạng Sơn. Sau khi khởi nghĩa Bắc Sơn nổ ra, Xứ ủy Bắc Kỳ cử Trần Đăng Ninh lên Bắc Sơn lãnh đạo phong trào. Đến ngày 13/10/1940, Trần Đăng Ninh triệu tập cuộc họp tại rừng Tân Hương. Hội nghị quyết định xây dựng đội du kích Bắc Sơn thành lập Ban chỉ huy do Trần Đăng Ninh đứng đầu, xây dựng căn cứ du kích ở địa bàn thuộc các xã Ngư Viễn, Vũ Lăng thuộc Bắc Sơn [14, tr.39]. Đến cuối tháng 10/1940, khởi nghĩa Bắc Sơn kết thúc, gây tiếng vang lớn, khiến cho quân đội đối phương nhiều thiệt hại. Tuy bị đàn áp, thất bại nhưng “cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn đã tạo ra lực lượng vũ trang làm nòng cốt cho việc xây dựng căn cứ địa Bắc Sơn - Võ Nhai sau này” [14, tr.40]. Từ ngày 06 - 09/11/1940, tại làng Đình Bảng, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, một số cán bộ lãnh đạo là Trường Chinh, Hoàng Văn Thụ, Hạ Bá Cang, Trần Đăng Ninh, Phan Đăng Lưu tổ chức hội nghị để thành lập Ban Chấp hành Trung ương lâm thời. Hội nghị xác định: “Tinh thần dân tộc của nhân dân ta ngày càng bị bọn phát xít Pháp và quân phiệt Nhật chà đạp. Một cao trào cách mạng nhất định sẽ nổi dậy. Đảng phải chuẩn bị để gánh lấy cái sứ mệnh thiêng liêng: lãnh đạo cho các dân tộc bị áp bức Đông Dương vũ trang bạo động giành lấy quyền tự do độc lập” [15, tr.58]. Về tình hình Đảng, Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 7 tháng 11/1940 ghi rõ: “Tính đến tháng 10/1940, số đảng viên ở Trung, Nam, Bắc Kỳ còn ít ỏi quá, tương đối với toàn số dân chúng. Đảng bộ ba xứ bị thiệt thòi khá nhiều bởi cuộc khủng bố tháng 9/1939; việc chỉ huy toàn Đảng không được thống nhất. Xứ nào riêng Xứ ấy chỉ huy, và sự liên lạc giữa các cơ quan chấp hành các xứ cũng không được liên tiếp” [15, tr.58-61]. Nghị quyết Hội nghị cũng khẳng định tiên tới “thành lập nhân dân cách mạng quân” và “hiện nay, phải lựa chọn người trong các đoàn thể Mặt trận đảng mở rộng các đội tự vệ. Trong giờ tranh đấu quyết liệt, Mặt trận phải trực tiếp vũ trang cho dân chúng cùng Đảng tổ chức nhân dân cách mạng quân, trực tiếp tham gia điều khiển bạo động” [15, tr. 69, 81]. Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 7 quyết định phải duy trì lực lượng vũ trang, phát triển Đội du kích Bắc Sơn và căn cứ của đội du kích để tiến tới thành lập căn cứ địa cách mạng, lấy vùng Bắc Sơn - Võ Nhai làm trung tâm [16, tr.28]. Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 7 cũng quyết định đình chỉ chủ trương khởi nghĩa của Xứ ủy Nam Kỳ vì nhận thấy thời cơ, điều kiện chưa chín muồi. Khi Phan Đăng Lưu về tới Sài Gòn để truyền đạt quyết định đình chỉ chủ trương khởi nghĩa của Trung ương Đảng thì kế hoạch khởi nghĩa của Xứ ủy Nam Kỳ được phổ biến đến các địa phương trước đó nên khởi nghĩa Nam Kỳ vẫn diễn ra theo kế hoạch và tuy tạo tiếng vang nhưng thất bại nặng nề, tổn thất lớn phong trào cách mạng và Đảng bộ Nam Kỳ.

Như vậy, trong những năm 1939 - 1940, tình hình cách mạng Việt Nam có những biến chuyển lớn. Chính quyền thực dân Pháp cấm và đóng cửa các tờ báo tự do, gia tăng các hành động khủng bố, đàn áp mạnh các phong trào yêu nước và tổ chức cách mạng Việt Nam từ Bắc chí Nam. Khi quân đội Nhật kéo vào Việt Nam và sự “bắt tay” của Pháp - Nhật với việc đẩy mạnh các hoạt động đánh phá vào các phong trào, tổ chức cách mạng khiến cho phần lớn các cơ sở hệ thống, tổ chức của Đảng bị thiệt hại, tổn thất lớn. Đồng thời, tình trạng bị chia cắt, mất liên lạc, thiếu sự chỉ huy thống nhất trong toàn Đảng từ Trung ương đến địa phương là những khó khăn lớn mà Đảng đối mặt trong những năm này. Từ cuối năm 1939, Đảng Cộng sản Đông Dương bước đầu có những thay đổi chính sách để phù hợp với tình hình cách mạng mới. Đảng nhấn mạnh nhiệm vụ đánh đổ đế quốc, giải phóng Đông Dương và chủ trương, xúc tiến quá trình chuẩn bị xây dựng lực lượng cách mạng, tổ chức Đảng nhằm đón thời cơ cách mạng mới. Hội nghị Trung ương lần thứ 6 xác định “đánh đuổi hải lực không quân của đế quốc Pháp ra khỏi xứ, lập quốc dân cách mạng quân” [12, tr.542]. Đến Hội nghị Trung ương lần thứ 7 (1940), Đảng tiếp tục nhấn mạnh việc duy trì và mở rộng các lực lượng vũ trang và các căn cứ địa cách mạng hiện có và chuẩn bị

xây dựng lực lượng cách mạng để tiến tới giành chính quyền khi thời cơ tới. Những chủ trương, nhiệm vụ cách mạng mà Đảng xác định những năm 1939 - 1940 bước đầu tạo tiền đề thuận lợi cho cách mạng Việt Nam tiến triển và đã được Đảng tiếp tục bổ sung, hoàn chỉnh trong quá trình vận động cách mạng để tiến tới tổng khởi nghĩa giành chính quyền những năm sau đó.

3.2. Chủ trương xây dựng lực lượng vũ trang và các căn cứ địa cách mạng của Đảng Cộng sản Đông Dương (1941 - 1945)

Ngày 28/01/1941, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về nước và chọn Pác Bó làm nơi hoạt động cũng như chuẩn bị những công việc cần thiết để mở Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng và đề ra những chủ trương, nhiệm vụ cách mạng trong tình hình mới. Từ ngày 10 - 19/5/1941, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng diễn ra tại Khuổi Nặm, làng Pác Bó, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng do Nguyễn Ái Quốc chủ trì. Hội nghị nhấn mạnh: “Trong lúc này quyền lợi của bộ phận, của giai cấp phải đặt dưới sự sinh tử, tồn vong của quốc gia, của dân tộc. Trong lúc này nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được” [15, tr.113]. Hội nghị cũng xác định cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc “phải kết liễu bằng một cuộc khởi nghĩa vũ trang” [15, tr.129]. Về mục đích của việc thành lập Việt Nam tiểu tổ du kích cứu quốc, Đảng chỉ rõ: “Việt Nam tiểu tổ du kích cứu quốc là một tổ chức quân sự cao hơn tự vệ đội và thấp hơn du kích chính thức, mục đích để: Bảo vệ và giải vây cho các chiến sĩ cách mạng và giữ gìn các cơ quan cách mạng; Phụ lực và giúp đỡ cho đội du kích chính thức trong lúc hành quân và giao chiến với quân thù; Biến chuyên thành đội du kích chính thức để tranh đấu đánh đổ Pháp, Nhật làm cho nước Việt Nam hoàn toàn độc lập” [15, tr.160]. Sau Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc cùng một số cán bộ lãnh đạo Đảng khẩn trương chỉ đạo xây dựng căn cứ địa Cao Bằng. Nguyễn Ái Quốc đã chỉ đạo Đảng bộ Cao Bằng chú ý ngay đến việc xây dựng lực lượng vũ trang với phương châm ở đâu có Việt Minh ở đó phải có tự vệ và các đội tự vệ chiến đấu. Từ tháng 6 - 8/1941, theo chỉ thị của Nguyễn Ái Quốc, Đảng bộ Cao Bằng cử hơn 70 thanh niên khỏe mạnh, gan dạ ở Cao Bằng sang Trung Quốc học tập quân sự và Nguyễn Ái Quốc cùng một số cán bộ mở nhiều lớp huấn luyện về chính trị và quân sự ngắn hạn để đào tạo cán bộ quân sự tại chỗ cho Cao Bằng. Tháng 10/1941, đội du kích tập trung đầu tiên của Cao Bằng được thành lập gồm 13 người, có nhiệm vụ bảo vệ cơ quan của Đảng, bảo vệ cán bộ, xây dựng cơ sở cho lực lượng tự vệ thường, tự vệ chiến đấu, thực hiện các công tác đặc biệt, giao thông liên lạc. Đến đầu năm 1942, phong trào Việt Minh lan ra phạm vi toàn tỉnh, các đội tự vệ cùng xuất hiện ở nhiều nơi. Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Nguyễn Ái Quốc, căn cứ địa Cao Bằng đã hình thành và từng bước phát triển vững chắc, trở thành một trung tâm lãnh đạo phong trào trong nước cũng như tranh thủ ủng hộ từ bên ngoài [14, tr.82-83]. Ngày 01/12/1941, Trung ương Đảng ra *Chỉ thị về công tác tổ chức* nêu rõ: “Hiện thời trách nhiệm của Đảng ta phải sửa soạn vũ trang khởi nghĩa cho nên các đồng chí phải đặc biệt nghiên cứu những hình thức tranh đấu vũ trang, những hình thức tổ chức của một cuộc vũ trang khởi nghĩa. Phải tổ chức những ủy ban quân sự chính trị chỉ huy các khu vực đặc biệt của các bộ đội du kích và trong hoàn cảnh trực tiếp cách mệnh những ủy ban này phải đổi làm ủy ban quân sự cách mệnh do ủy ban quân sự toàn xứ hoặc toàn quốc chỉ huy” [15, tr.228]. Ngày 21/12/1941, trong thông cáo *Cuộc chiến tranh Thái Bình Dương và trách nhiệm cần kíp của Đảng* gửi đến các cấp bộ đảng, Trung ương Đảng khẳng định: “Về tổ chức lúc này phải chú trọng mở rộng và củng cố các đội tự vệ cứu quốc. Phải chọn những phần tử khỏe mạnh, hăng hái, lanh lẹ trong các đoàn thể cứu quốc và trong các đội tự vệ ra tổ chức những tiểu tổ du kích. Những tổ viên của các tiểu tổ du kích không nhất định phải thoát ly sinh sản và tốt hơn là cứ sinh hoạt như người thường dân và dân cư ở đấy, nhưng có thể lâm thời họp lại thành những tiểu tổ du kích đi tháo đường sắt, đào hố ngăn xe cộ, đánh các đội tuần tiểu nhỏ của quân địch, đánh các đoàn xe vận tải, tiểu trừ phản động... Làm xong lại phân tán, trở về hòa lẫn với dân chúng. Lúc này tiểu tổ du kích là hình thức mấu chốt để tiến lên đội du kích chính thức.

Những đội tự vệ, nhất là những tiểu tổ du kích phải năng tập luyện và nghiên cứu chiến thuật du kích” và “lúc này Đảng phải theo đúng thuật du kích, phải duy trì các bộ đội du kích, phải duy trì và kiện toàn các lực lượng cách mạng mỗi khi cơ hội và tình thế thuận tiện hơn có thể phát động phong trào khởi nghĩa rộng lớn hơn” [15, tr.248-249, 252].

Tháng 02/1943, Ban Thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương yêu cầu: “Các đảng bộ phải tổ chức và củng cố các đội tự vệ và tiểu tổ du kích, đồng thời phải huấn luyện quân sự cho những tổ chức ấy” [15, tr.299]. Thực hiện Nghị quyết của Ban Thường vụ Trung ương Đảng, ở Bắc Kỳ các hoạt động huấn luyện quân sự, đào tạo cán bộ quân sự, xây dựng lực lượng vũ trang và các căn cứ địa cách mạng được tăng cường. Trong năm 1943, Xứ ủy Bắc Kỳ mở các lớp huấn luyện quân sự cho các cán bộ chủ chốt, quan trọng của Xứ ủy và các Tỉnh ủy. Đến tháng 01/1944, Xứ ủy Bắc Kỳ tổ chức Hội nghị quân chính để kiểm điểm về sự phát triển của các đoàn thể cứu quốc; sự tổ chức các đội tự vệ vũ trang; việc xây dựng các căn cứ quân sự ở những nơi có tổ chức Đảng vững và quần chúng giác ngộ. Hội nghị chủ trương tiếp tục mở các lớp huấn luyện quân sự cho các xứ ủy viên, tỉnh ủy viên, thành ủy viên để tổ chức huấn luyện quân sự trong các địa phương [14, tr.147]. Ngày 07/5/1944, Tổng bộ Việt Minh ra *Chỉ thị về sửa soạn khởi nghĩa* xác định: “Phải có những đội quân cách mạng cơ bản, có tập tành thao lược sẵn sàng, những đội quân cách mạng cơ bản theo ba hình thức: bộ đội du kích, đội tự vệ cứu quốc, tiểu tổ du kích; phải hết sức phát triển và thống nhất các đội tự vệ sẵn có và tổ chức những đội tự vệ mới, phải tuyển những phần tử hăng hái, nhanh nhẹn, khỏe mạnh can đảm, tổ chức ra những tiểu tổ du kích; phải tuyển một số chiến sĩ can đảm và khỏe mạnh nhất để khi nào có lệnh của thượng cấp sẽ cho đi tham gia các bộ đội du kích chính thức” [15, tr.493-494]. Để phát triển lực lượng vũ trang và chuẩn bị khởi nghĩa yêu cầu trang bị đủ vũ khí chiến đấu trở thành cấp thiết. Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc từng khẳng định “khởi nghĩa thì phải có vũ khí. Đó là một trong những vấn đề rất quan trọng của cách mạng” [17, tr.103]. Ngay từ năm 1941, Nguyễn Ái Quốc chỉ đạo cho Đảng bộ Cao Bằng xây dựng xưởng sửa chữa, sản xuất vũ khí tại Hà Quảng. Đồng thời, thực hiện liên lạc để mua sắm vũ khí ở Côn Minh (Trung Quốc). Đến năm 1943, Đảng đẩy mạnh công tác sửa chữa vũ khí và lập một số xưởng sửa chữa, sản xuất vũ khí ở Bắc Ninh. Tháng 5/1944, Tổng bộ Việt Minh nhận định: “Một dân tộc bị áp bức cũng như một giai cấp bị bóc lột, muốn tự giải phóng phải cầm võ khí trong tay mà chiến đấu. Không thể tay vo mà đánh đuổi được giặc. Dân ta muốn đánh đuổi Nhật, Pháp cũng không thể không sắm sửa và tập dùng võ khí” [15, tr.494]. Đến ngày 10/8/1944, Việt Minh ra lời kêu gọi đồng bào *Sắm võ khí! Đuổi thù chung!* Lời kêu gọi nêu rõ: “Muốn giết giặc, phải có võ khí; cô động đồng bào binh lính mang khí giới của giặc chạy về phe dân chúng, dùng súng thù bắn thù; phải tự sắm lấy một phần võ khí; phải tự chế lấy một phần võ khí; phải mua những thứ võ khí tinh xảo của nước ngoài. Việc chế tạo võ khí do Việt Minh trừ liệu. Còn việc góp tiền mua võ khí phải là việc chung của tất cả các giới đồng bào yêu nước. Đồng bào hãy tìm các tổ chức Việt Minh các nơi mà trao tiền cho quỹ mua súng” [15, tr.504-505]. Trong những năm 1943 – 1944, Đảng tiếp tục đẩy mạnh công tác xây dựng các căn cứ địa, chủ yếu là ở vùng rừng núi Việt Bắc. Tháng 12/1944, trong Chỉ thị thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân, Hồ Chí Minh cho rằng: “Vi cuộc kháng chiến của ta là cuộc kháng chiến của toàn dân cần phải động viên toàn dân, vũ trang toàn dân, cho nên trong khi tập trung lực lượng để lập một đội quân đầu tiên, cần phải duy trì lực lượng vũ trang trong các địa phương cùng phổ hợp hành động và giúp đỡ về mọi phương diện. Đội quân chủ lực trái lại có nhiệm vụ diu dắt cán bộ vũ trang của các địa phương, giúp đỡ huấn luyện, giúp đỡ vũ khí nếu có thể được, làm cho các đội này trưởng thành mãi lên. Đối với các đội vũ trang địa phương: đưa các cán bộ địa phương về huấn luyện, tung các cán bộ đã huấn luyện đi các địa phương, trao đổi kinh nghiệm, liên lạc thông suốt, phối hợp tác chiến. Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân là đội quân đàn anh, mong cho chóng có những đội quân đàn em khác” [15, tr.356-357]. Thực hiện chỉ thị của Hồ Chí Minh, đến ngày 22/12/1944 tại núi Dền Sinh dãy Khau Giáng thuộc xã Tam Kim và Hoa Thám, châu Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng, Võ Nguyên Giáp tuyên bố thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân. Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân lúc thành lập gồm 34 đội viên. Hoàng Sâm làm đội trưởng, chính trị viên là Xích Thắng. Đội Việt Nam Tuyên truyền

Giải phóng quân là đội quân chủ lực đầu tiên của cách mạng Việt Nam, là “một đoàn quân gang thép, rắn chắc không sức mạnh nào khuất phục nổi, sẵn sàng quật nát kẻ thù” [18, tr.136].

Song song với việc đẩy mạnh xây dựng và phát triển lực lượng chính trị, vũ trang, chủ trương và hoạt động xây dựng các căn cứ địa cách mạng cũng được lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và Đảng chú trọng từ rất sớm. Đại tướng Võ Nguyên Giáp từng viết trong hồi ký: “Từ khi chưa đặt chân vào Cao Bằng, Bác đã vạch một cách chính xác tính chất quan trọng của căn cứ địa Việt Bắc sau này. Bác đã nhận định về vị trí của Cao Bằng: “Căn cứ địa Cao Bằng sẽ mở ra triển vọng lớn cho cách mạng ta. Cao Bằng có phong trào tốt từ trước, lại kề sát biên giới, lấy đó làm cơ sở liên lạc quốc tế rất thuận lợi. Nhưng từ Cao Bằng còn phải phát triển về Thái Nguyên và thông xuống nữa mới có thể tiếp xúc với toàn quốc được. Có nổi phong trào được với Thái Nguyên và toàn quốc thì khi phát động đấu tranh vũ trang, lúc thuận lợi có thể tấn công, lúc khó khăn có thể giữ”” [19, tr.24-25]. Và ngay khi về nước năm 1941, Nguyễn Ái Quốc chọn Cao Bằng làm căn cứ địa hoạt động và chủ trương xây dựng, phát triển căn cứ địa Cao Bằng cũng như làm sao để nối thông căn cứ Cao Bằng với các căn cứ địa khác. Về vai trò của căn cứ địa cách mạng, trong tác phẩm *Chiến thuật du kích* do Nguyễn Ái Quốc viết được Tổng bộ Việt Minh xuất bản tháng 5/1944 nêu rõ: “Đội du kích trong lúc hoạt động đánh quân thù cần có một vài nơi đứng chân làm cơ sở. Tại nơi ấy, đội du kích tích trữ lương thực, thuốc đạn, lâu lâu về đó nghỉ ngơi, luyện tập. Nơi ấy phải có địa thế hiểm yếu che chở và quần chúng cảm tình ủng hộ. Đội du kích hoạt động phát triển nhiều thì chỗ cơ sở nhỏ đầu tiên ấy có thể trở nên căn cứ địa vững vàng, nhất là sau khi đội du kích đánh đuổi được quân giặc và thành lập chính quyền cách mạng trong địa phương. Chưa thành lập được chính quyền địa phương thì căn cứ địa khó thành lập và không thể củng cố được. Có chính quyền cách mạng của địa phương, có căn cứ địa vững vàng, đội du kích nhờ đó mà phát triển lực lượng và hóa ra quân chính quy” [20, tr.536]. Dưới sự lãnh đạo, tổ chức của các cấp ủy Đảng, các căn cứ địa trong cả nước, những an toàn khu của Trung ương Đảng, của Xứ ủy, Thành ủy, Tỉnh ủy... được xây dựng và phát triển trên cơ sở lực lượng chính trị, không chỉ ở rừng núi hiểm trở mà còn được xây dựng ở vùng đồng bằng và vùng ven các đô thị lớn, nơi có “rừng người”, “biển người” [21, tr.382]. Để có thể thực hiện sự chỉ đạo thống nhất từ Trung ương đến các địa phương trong cả nước, ngay từ năm 1943 sau Hội nghị Thường vụ Trung ương, Đảng đã cử một số cán bộ vào Nam Kỳ công tác, liên lạc và hỗ trợ phát triển phong trào, tổ chức cách mạng. Ở Nam Kỳ kể từ sau năm 1940 do chính sách khủng bố, đánh phá mạnh của thực dân Pháp nên phần lớn cơ sở, hệ thống tổ chức Đảng bị tổn thất nghiêm trọng. Xứ ủy Nam Kỳ nhiều lần được tái lập cũng bấy nhiêu lần bị đánh tan vỡ. Đến tháng 10/1943, một số cán bộ, đảng viên vượt ngục thành công đã tái thành lập Xứ ủy Nam Kỳ (hay còn gọi là Xứ ủy Tiền Phong) và Xứ ủy đã tiến hành khôi phục, xây dựng hệ thống, tổ chức cơ sở Đảng ở các địa phương. Địa bàn hoạt động của Xứ ủy Tiền Phong là hầu khắp các tỉnh Nam Kỳ và mạnh nhất ở vùng đô thị, vùng ven Sài Gòn và tập trung phát triển lực lượng cách mạng ở đô thị. Với sự năng động, chủ động và sáng tạo cách mạng, trong quá trình vận động xây dựng và phát triển lực lượng cách mạng, Xứ ủy Tiền Phong đã tổ chức ra “Thanh niên Tiền Phong”. Thanh niên Tiền Phong chính là lực lượng cách mạng hùng hậu nhất ở Nam Kỳ, Sài Gòn, có thanh thế áp đảo trong những ngày tiến tới tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 [14, tr.205]. Trong khi đó, Xứ ủy Giải Phóng chính thức cũng được thành lập tháng 4/1945 và địa bàn hoạt động chủ yếu ở vùng nông thôn. Do tình trạng bị đối phương khủng bố, đàn áp, đánh phá ác liệt, mất liên lạc với Trung ương Đảng lại khác biệt lớn về quan điểm, đường lối nên các Xứ ủy ở Nam Kỳ sau khi tái thành lập đã chủ động, sáng tạo gây dựng cơ sở, hệ thống tổ chức và phát triển lực lượng cách mạng. Đến tháng 5/1945, Xứ ủy Tiền Phong đã kết nối và nhận được các chỉ thị đấu tranh thống nhất từ Trung ương Đảng và ngay sau đó nhanh chóng, “chạy đua với thời gian” đẩy mạnh các hoạt động xây dựng và phát triển lực lượng cách mạng để tiến tới tổng khởi nghĩa giành chính quyền khi thời cơ đến.

Đến ngày 09/3/1945, Nhật đảo chính Pháp. “Chỉ trong vòng 24 giờ, quân đội Nhật đã lật nhào toàn bộ chế độ thực dân mà người Pháp đã xây dựng ở Việt Nam hơn 80 năm, tạo điều kiện thuận lợi để cuộc vận động cứu nước của dân tộc ta bước sang một giai đoạn phát triển mới. Cuộc đảo

chính quân sự đêm ngày 09/3/1945 là một biến cố lịch sử lớn làm thay đổi căn bản tình hình Đông Dương và Việt Nam, xét trên nhiều phương diện” [22, tr.219]. Ngày 12/3/1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương ra chỉ thị *Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta* và xác định công việc cần kíp về tổ chức quân sự là: “Tổ chức thêm nhiều bộ đội du kích và tiểu tổ du kích; Thành lập những căn cứ địa mới; Thống nhất các chiến khu và thành lập “Việt Nam cứu quốc dân”; Tổ chức “Ủy ban quân sự cách mạng” để thống nhất chỉ huy du kích các chiến khu” [15, tr.371].

Từ ngày 15 – 20/4/1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng triệu tập Hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kỳ, về nhiệm vụ quân sự, Nghị quyết Hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kỳ xác định: “Tình thế đã đặt nhiệm vụ quân sự lên trên tất cả các nhiệm vụ quan trọng và cần kíp trong lúc này. Chúng ta phải tích cực phát triển chiến tranh du kích, gây dựng căn cứ địa kháng Nhật, để chuẩn bị cuộc tổng khởi nghĩa cho kịp thời. (1) – Cần phải vạch rõ và định nhiệm vụ các chiến khu: chiến khu Lê Lợi (Bắc Kỳ), chiến khu Hoàng Hoa Thám (Bắc Kỳ), chiến khu Quang Trung (Bắc Kỳ), chiến khu Trần Hưng Đạo (Bắc Kỳ), chiến khu Phan Đình Phùng (Trung Kỳ), chiến khu Trưng Trắc (Trung Kỳ), chiến khu Nguyễn Tri Phương (Nam Kỳ); (2) – Cần phải đánh thông liên lạc giữa các chiến khu Bắc Kỳ và Trung, Nam Kỳ; (3) – Cần kíp gây dựng những căn cứ địa kháng Nhật; (4) – Cần phải thống nhất, củng cố và phát triển các bộ đội quân giải phóng: Tên Việt Nam giải phóng quân; Củng cố bộ đội; Phát triển bộ đội giải phóng; Phải tổ chức ngay những đội tự vệ thường, tự vệ chiến đấu và bộ đội địa phương; (5) – Thống nhất chỉ huy quân sự; (6) – Tổ chức các đội quân đặc biệt: đội quân thợ, đội quân phụ nữ, đội quân danh dự, đội quân ngoại quốc; (7) – Sáng lập lá cờ vinh dự; (8) – Võ khí, quân nhu: Lập xưởng chữa súng và chế tạo súng ống, bom đạn (Ủy ban quân sự trừ định); Ra sức thu nhặt và mua võ khí; Tích trữ lương thực cho đầy đủ. Các xã nên lập kho thóc Giải phóng quân, trong căn cứ địa phải tiến hành tích trữ lương thực. Ủy ban quân sự cách mạng đặt kế hoạch mở con đường mua và vận tải muối” [15, tr.391-394]. Ngày 15/5/1945, các đơn vị của Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân thống nhất với Cứu Quốc quân thành Việt Nam Giải phóng quân. Lực lượng ban đầu gồm 13 đại đội. Ngày 04/6/1945, Tổng bộ Việt Minh triệu tập Hội nghị cán bộ 6 tỉnh phía Bắc (Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Hà Giang, Tuyên Quang, Thái Nguyên). Về xây dựng lực lượng vũ trang, căn cứ địa cách mạng, Hội nghị xác định: “Để chuẩn bị cuộc khởi nghĩa sắp đến, tất cả những khu vực Quân giải phóng đã chiếm được thống nhất lại thành một khu gọi là Khu giải phóng, củng cố Khu giải phóng thành một căn cứ địa kháng Nhật vững chắc. Về quân sự: a) Chinh đốn Việt Nam Giải phóng quân: chọn lọc kỹ càng; trong ba tháng các đội viên phải được huấn luyện chương trình quân sự và chính trị sơ cấp cho xong; đặt chính trị viên trong quân đội; đội viên phải thừa nhận “Mười lời thề”; thi hành “quân kỷ”; tổ chức ra những Đội Tuyên truyền Việt Nam giải phóng quân. b) Chinh đốn tự vệ: mỗi xã phải tổ chức ít nhất một tiểu đội tự vệ 12 người, trong ba tháng huấn luyện cho xong; mỗi xã phải tổ chức ít nhất một tiểu đội du kích từ 5 người trở lên. c) Thống nhất chỉ huy: các đội trưởng, phó đội trưởng và chính trị viên tiểu đội, trung đội, đại đội... lập thành ban chỉ huy của đội. d) Kế hoạch quân sự: lúc ban đầu chính trị trọng hơn quân sự, vậy cứ theo nguyên tắc ấy mà đặt kế hoạch. đ) Quân sự tình báo: quyên và tích trữ binh lương; tịch thu lương thực của Việt gian; vận động sinh sản. Vũ khí: tổ chức xưởng chữa và lò chế tạo. Tổ chức và khuyến khích việc dùng súng kíp, dao, nỏ. Quản lý: củ soát các kho và tổ chức việc quản lý. Tổ chức ban tình báo chuyên môn. e) Giao thông: tìm nhiều đường và võ trang bảo vệ” [15, tr.541-544]. Thành lập Khu giải phóng là một chủ trương đúng đắn, thể hiện tầm nhìn chiến lược sâu rộng, sáng suốt của Hồ Chí Minh và lãnh đạo Đảng [22, tr.340]. Thực hiện chủ trương của Đảng, các cấp ủy đã lãnh đạo quần chúng đấu tranh cách mạng, từ thực tiễn phong trào các căn cứ địa được củng cố, khu giải phóng được bảo vệ và mở rộng. Ở các căn cứ địa và khu giải phóng, chính quyền cách mạng được thành lập, các chính sách cơ bản về kinh tế, chính trị, quân sự... của Việt Minh được tổ chức thực hiện, lực lượng vũ trang được tăng cường, tạo đà cho đấu tranh vũ trang phát triển mạnh [21, tr.384]. Ngày 07/7/1945, Ủy ban lâm thời khu Giải phóng ra *Thông cáo các ủy ban nhân dân tỉnh, châu, phủ, xã, các đội trưởng, chính trị viên và đội viên*

Giải phóng quân về quân sự: “Cùng cố các đội tự vệ, lập các tổ du kích, còn dân chúng người mà khỏe mạnh bất phân nam nữ đều phải tự sắm lấy một thứ vũ khí và luôn luôn tập luyện quân sự; Bộ đội phải luôn luôn sẵn sàng, lúc nào có đủ điều kiện chiến thắng là phối hợp với các đội tự vệ mà đánh úp quân địch một cách nhanh chóng và mạnh bạo; Tích trữ binh lương cho đầy đủ” [15, tr.555-556]. Ngày 13/8/1945, tại Tân Trào (Tuyên Quang) diễn ra Hội nghị toàn quốc của Đảng. Hội nghị quyết định: “Chỉnh đốn và phát triển bộ đội”; “Tổ chức thêm những bộ đội mới. Chỉnh đốn bộ đội tự vệ chiến đấu và tiêu tổ du kích để thành lập quân giải phóng ở ngoài khu giải phóng; Định rõ các chiến khu - địa giới các chiến khu toàn quốc và nhiệm vụ mỗi chiến khu ấy, giúp đỡ ngay những chiến khu ấy; Lập bộ tư lệnh – thành lập Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc và Ủy ban hành động chỉ huy các chiến khu; Đào tạo cán bộ quân sự - lập thêm trường quân chính, thống nhất chương trình dạy; Võ khí – tước vũ khí của quân Nhật, tiếp tục chế thêm; Thành lập Ủy ban khởi nghĩa để thống nhất chỉ huy cuộc chiến đấu” [15, tr.429-430]. Và trong Nghị quyết của Quốc dân Đại hội ngày 16/8/1945 cũng khẳng định: “Võ trang nhân dân. Phát triển Quân Giải phóng Việt Nam” [15, tr.560].

Có thể khẳng định, trong những năm 1941 – 1945, hoạt động xây dựng lực lượng vũ trang và các căn cứ địa cách mạng đã được Đảng và lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc cùng các nhà lãnh đạo cách mạng địa phương đẩy mạnh xúc tiến thông qua nhiều chủ trương, đường lối sáng tạo, phù hợp và đã đáp ứng yêu cầu thực tiễn đấu tranh. Chính nhờ Đảng và lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh sớm đề ra và trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả những chủ trương, đường lối xây dựng lực lượng vũ trang và các căn cứ địa cách mạng đã tạo thành sức mạnh tổng hợp to lớn của cả dân tộc và khi thời cơ cách mạng tới toàn quốc đồng bào vùng dậy “đem sức ta mà tự giải phóng cho ta”, tạo nên thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam.

3.3. Nhận xét về chủ trương, hoạt động xây dựng lực lượng vũ trang và căn cứ địa cách mạng những năm 1941 - 1945

Từ khi chiến tranh thế giới thứ hai nổ ra, Đảng Cộng sản Đông Dương đã nhanh chóng đề ra những chủ trương về xây dựng và duy trì lực lượng vũ trang song song với quá trình xây dựng và phát triển lực lượng chính trị cùng hệ thống tổ chức, cơ sở cách mạng trong cả nước. Đảng không thể lãnh đạo toàn dân giành được chính quyền năm 1945 nếu không có những chủ trương đúng đắn, sáng tạo trong xây dựng và phát triển lực lượng cách mạng, nhất là lực lượng vũ trang và các căn cứ địa. Trước khi đặt chân lên Tổ quốc sau gần ba mươi năm hoạt động ở nước ngoài, Nguyễn Ái Quốc đã sớm có những chủ trương xây dựng lực lượng vũ trang và căn cứ địa cách mạng. Và ngay khi lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về nước, hoạt động xây dựng lực lượng vũ trang và các căn cứ địa cách mạng được tăng cường đẩy mạnh. Với tầm nhìn xa trông rộng, sự chủ động, sáng tạo cách mạng, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc cùng với Trung ương Đảng không chỉ đề ra những chủ trương đúng đắn, sáng tạo về xây dựng lực lượng vũ trang, căn cứ địa trong cả nước mà còn trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo quá trình xây dựng và phát triển xây dựng lực lượng vũ trang và các căn cứ địa cách mạng ở các tỉnh miền Bắc. Đồng thời, Đảng còn cử các cán bộ Trung ương vào bất liên lạc, kết nối với Trung Kỳ và Nam Kỳ để thống nhất sự lãnh đạo, chỉ đạo đấu tranh trong quá trình vận động cách mạng để tiến tới tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Ngoài ra, Đảng và lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh còn tranh thủ và chủ động tìm kiếm sự ủng hộ, hỗ trợ của quốc tế, nhất là các nước đồng minh chống phát xít để giúp cho việc huấn luyện, đào tạo, xây dựng và phát triển lực lượng cách mạng mà trước nhất là lực lượng vũ trang ở Việt Nam. Mặc dù sự giúp đỡ, hỗ trợ của các nước đồng minh chống phát xít cho cách mạng Việt Nam những năm này là khá hạn chế nhưng những kết quả đạt được là minh chứng cho các nỗ lực hoạt động, tận dụng và tranh thủ sức mạnh thời đại kết hợp với sức mạnh trong nước của Đảng trong quá trình vận động cách mạng để tiến tới giải phóng dân tộc. Hồ Chí Minh từng khẳng định “cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, chứ không phải là sự nghiệp của cá nhân anh hùng nào” [23, tr.672]. Trong tiến trình cách mạng Việt Nam, thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 làm thay đổi vận mệnh của cả một dân tộc là kết quả của quá trình đấu tranh gian khổ, bền bỉ, kiên cường,

bất khuất, anh dũng của toàn dân dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo với đường lối đấu tranh đúng đắn, sáng tạo của Đảng và lãnh tụ kiệt xuất Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh. Vai trò và sự sáng tạo của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh trong quá trình xây dựng, phát triển lực lượng cách mạng, nhất là lực lượng vũ trang cùng các căn cứ địa những năm 1941 - 1945 là rất lớn và đã tạo ra những tiền đề thuận lợi, góp phần quan trọng đưa đến thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam. Mặt khác, trong những năm này, ở các địa phương cũng đã thể hiện được sự chủ động, năng động và sáng tạo trong quá trình xây dựng lực lượng vũ trang và các căn cứ địa cách mạng để tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền, tiêu biểu nhất là ở Nam Kỳ. Các Xứ ủy ở Nam Kỳ, đặc biệt là Xứ ủy Tiền Phong đã tích cực, chủ động, thần tốc, đẩy mạnh xây dựng và phát triển lực lượng cách mạng cùng các căn cứ địa quan trọng để đáp ứng yêu cầu thực tiễn cách mạng và Nam Kỳ cùng với cả nước khởi nghĩa giành thắng lợi trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Trong quá trình Đảng và lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh cùng các địa phương lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng, phát triển lực lượng vũ trang và các căn cứ địa cách mạng những năm 1941 - 1945 có nhiều bài học lịch sử đến nay vẫn vẹn nguyên giá trị và cần tiếp tục nghiên cứu, vận dụng sáng tạo, phù hợp, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ, xây dựng và phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. Đó là sự chủ động, năng động và sáng tạo của cán bộ, người lãnh đạo, người đứng đầu trong xây dựng lực lượng cách mạng để đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Phát huy tinh thần đoàn kết thống nhất, quyết tâm, nỗ lực cao trong toàn Đảng, toàn quân và toàn dân để hoàn thành những mục tiêu quan trọng, chiến lược của quốc gia. Luôn đặt lợi ích của quốc gia, dân tộc lên trên hết trước hết trong quá trình hoạch định các chủ trương, chính sách phát triển, đồng thời không ngừng phát huy tinh thần tiên phong, gương mẫu, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm và dám chịu trách nhiệm vì sự nghiệp chung của người lãnh đạo, cán bộ cách mạng.

4. Kết luận

Kể từ năm 1941 trở đi, song song với quá trình xây dựng hệ thống, cơ sở tổ chức Đảng và lực lượng chính trị, các chủ trương và hoạt động xây dựng lực lượng vũ trang, căn cứ địa cách mạng được Đảng Cộng sản Đông Dương tăng cường đẩy mạnh với sự chủ động và sáng tạo. Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đóng vai trò quan trọng, quyết định trong việc đề ra các chủ trương, đường lối và trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện quá trình xây dựng, phát triển lực lượng vũ trang và các căn cứ địa cách mạng ở Việt Nam những năm 1941 - 1945. Nhờ sớm có những chủ trương, đường lối đúng đắn, sáng tạo mà Đảng đã xây dựng được lực lượng vũ trang và các căn cứ địa vững chắc ở các tỉnh miền Bắc và đồng thời còn chỉ đạo các Đảng bộ ở Trung Kỳ, Nam Kỳ đoàn kết thống nhất, xây dựng và phát triển lực lượng cách mạng và chính điều này đã góp phần lớn đưa đến thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 trên toàn quốc. Những bài học lịch sử từ hoạt động xây dựng lực lượng vũ trang và các căn cứ địa cách mạng của Đảng và lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh cùng các nhà lãnh đạo cách mạng địa phương trong giai đoạn này đến nay vẫn còn nguyên giá trị, có ý nghĩa quan trọng trong tiến trình đào tạo, xây dựng và phát triển các lực lượng vũ trang cũng như nâng cao năng lực phòng vệ quốc gia trong thời kỳ mới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] V. G. Tran, "Some characteristics of the August Revolution in Saigon and Southern Vietnam," *Journal of Historical Studies*, vol. 6, no. 283, pp. 6-15, 1995.
- [2] V. T. Vo, "Cochinchina Regional Committee in the process of campaigning for the August Revolution (1940-1945)," *Scientific Journal of Saigon University*, no. 76, pp. 39-49, April 2021.
- [3] T. Ha, "The role of armed struggle in the August Revolution," *National Defence Journal*, August 14, 2015. [Online]. Available: <https://tapchiquptd.vn/vi/lich-su-quan-su-viet-nam/vai-tro-cua-dau-tranh-vu-trang-trong-cach-mang-thang-tam/7919.html>. [Accessed September 19, 2025].
- [4] C. H. Hoang, "The 1945 Vietnamese Revolution - a testament to the correctness and creativity of the initiative of colonial revolution in Ho Chi Minh's ideology," *Military History Review*, no. 284, pp. 27-31, Aug. 2015.

- [5] N. T. Tran, "On the Western scholars' perspective on "power vacuum" and the "opportunityseizing" capacity of Vietnam revolutionary forces in the 1945 August Revolution," *Science & Technology Development*, vol. 19, no. X4, pp. 33-44, 2016.
- [6] V. C. Phan, "Japan's political solution in Vietnam from March 1945 to August 1945," *Science & Technology Development*, vol. 19, no. X4, pp. 82-93, 2016.
- [7] Q. H. Bui, "The victory of the August Revolution in 1945 and the birth of a new type of revolutionary state in Vietnam," *Journal of State Management*, October 06, 2020. [Online]. Available: <https://www.quanlynhanuoc.vn/2020/10/06/thang-loi-cua-cach-mang-thang-tam-nam-1945-va-su-ra-doi-nha-nuoc-cach-mang-kieu-moi-o-viet-nam/>. [Accessed September 19, 2025].
- [8] T. B. T. Nguyen, "Significance of the age of the August 1945 Revolution," *Van Lang University Journal of Science*, no. 23, pp. 14-16, September 2020.
- [9] V. H. Vu, "The magnitude of the August Revolution of 1945," *Journal of Vietnam Communist Party's History*, August 16, 2023. [Online]. Available: <https://tapchilichsudang.vn/tam-voc-cua-cach-mang-thang-tam-nam-1945.html>. [Accessed September 19, 2025].
- [10] T. L. Vu, "The August Revolution of 1945 - The great turning point of the Vietnamese revolution in the 20th century," *Communist Review*, August 19, 2024. [Online]. Available: <https://tapchicongsan.org.vn/web/guest/chinh-tri-xay-dung-dang/-/2018/959002/cach-mang-thang-tam-nam-1945---buoc-ngoat-vi-dai-cua-cach-mang-viet-nam-the-ky-xx.aspx>. [Accessed September 19, 2025].
- [11] M. H. Nguyen and T. O. Vu, "Hanoi and the August Revolution of 1945," *National Defence Journal*, August 13, 2015. [Online]. Available: <https://tapchiquptd.vn/vi/ky-niem-75-nam-ngay-toan-quoc-khang-chien/ha-noi-voi-cach-mang-thang-tam-nam-1945/7913.html>. [Accessed September 19, 2025].
- [12] Communist Party of Vietnam, *The Complete Party Documents (1936 - 1939)*, vol. 6. National Political Publishing House, Hanoi, 2000.
- [13] V. G. Tran, *The development of ideology in Vietnam from the 19th century to the August Revolution*, vol. 3. Ho Chi Minh City General Publishing House, 2020.
- [14] N. Trinh and T. T. Tran, *The August Revolution of 1945, the first great victory of the Vietnamese revolution*. National Political Publishing House, Hanoi, 2011.
- [15] Communist Party of Vietnam, *The Complete Party Documents (1940 - 1945)*, vol. 7. National Political Publishing House, Hanoi, 2000.
- [16] Party History Research Committee of the Viet Bac Autonomous Region, *History of the National Salvation Army*. Viet Bac Publishing House, 1975.
- [17] The Institute of Military History of Vietnam, *Ho Chi Minh - A Chronicle of Military Events (1919 - 1969)*. People's Army Publishing House, Hanoi, 2011.
- [18] N. G. Vo, *Historical Journeys*. National Political Publishing House, Hanoi, 1994.
- [19] N. G. Vo, *The Complete Memoirs*. People's Army Publishing House, 2010.
- [20] C. M. Ho, *The Complete Works*, vol. 3. National Political Publishing House, Hanoi, 2011.
- [21] The Institute of Military History of Vietnam, *History of Vietnamese Military Ideology*, vol. 3. National Political Publishing House, Hanoi, 2014.
- [22] H. T. Pham, *The August Revolution of 1945 in Vietnam*. National Political Publishing House, Hanoi, 2025.
- [23] C. M. Ho, *The Complete Works*, vol. 12. National Political Publishing House, Hanoi, 2011.